

Bản án số: 29/2026/DS-ST

Ngày: 27/7/2026

“V/v Tranh chấp về hợp dân sự vay
tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nghiêm Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nông Văn Điền và ông Vũ Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: bà Hà Thị Kim Quy – Thư ký viên Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2026/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2026 về “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2026; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 06/TB-TA ngày 25/6/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2026/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Trần Văn D, sinh năm: 1983; CCCD 033083000661; Trú tại: thôn Cát Lâm 2, xã Cát Tiên 2, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1987; CCCD số 075087025466 và bà Nguyễn Thị Tuyết A, sinh năm 1993; CCCD 068193007566; Cùng trú tại: thôn Cát An, xã Cát Tiên 2, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông D có mặt, ông H, bà A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn D trình bày: Do có quan hệ quen biết nên ông D nhiều lần cho vợ chồng ông H, bà A vay tiền. Ngày 16/01/2024 ông D cho ông H, bà A vay 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Thời hạn cho vay 06 tháng, lãi suất thỏa là 3%/tháng, mục đích vay là để kinh doanh; khi vay hai bên có lập giấy biên nhận vay tiền có chữ ký xác nhận của người vay ông H, bà A. Hết thời hạn vay ông D đã nhiều lần liên lạc, đến nhà yêu cầu ông H, bà A trả nợ nhưng

ông H, bà A vẫn cố tình không trả. Tại buổi làm việc ngày 10/7/2026 do bị đơn cam kết sẽ trả hết nợ gốc cho nguyên đơn trong vòng 1 tháng và cam kết ngày 17/7/2026 sẽ trả trước một phần ông D chấp nhận trong trường hợp bị đơn trả được số tiền gốc 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) thì nguyên đơn sẽ đồng ý chỉ tính gốc và không yêu cầu bị đơn phải trả lãi phát sinh trên số nợ gốc. Nhưng bị đơn đã không thực hiện đúng cam kết, ngày 17/7/2026 cho đến hôm nay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn bất cứ khoản tiền nào. Tại phiên tòa ông D yêu cầu ông H, bà A có nghĩa vụ liên đới trả nợ gốc 150.000.000đ và lãi phát sinh tính từ ngày 16/01/2024 đến ngày 27/7/2026 là 30 tháng 11 ngày với mức lãi theo quy định của pháp luật là 20%/năm tương ứng là 1,66%/tháng. Cụ thể: $150.000.000đ \times 1,66\% \times 30 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} = 75.613.000đ$; trong quá trình vay mượn ông D xác nhận ông H, bà A đã nhiều lần trả lãi và không xác định được số lần trả, hình thức trả với tổng số tiền là 54.000.000đ (*năm mươi bốn triệu đồng*); do vậy ông H, bà A còn phải trả cho ông D số tiền lãi tính đến ngày xét xử là $75.613.000đ - 54.000.000đ = 21.613.000đ$ (hai mươi một triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng). Tổng cộng số tiền ông D yêu cầu ông H và bà A phải liên đới trả là: 171.613.000đ gồm gốc là 150.000.000đ; lãi là 21.613.000đ, Ngoài ra ông H, bà A còn phải tiếp tục chịu tiền lãi trên nợ gốc cho đến khi trả hết nợ gốc.

Tại thời điểm xác lập vay mượn các bên thống nhất mức lãi ghi vào giấy vay là 3%/tháng nhưng ông H, bà A chưa thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả lãi của bên vay đúng như cam kết vay mượn, nay ông D yêu cầu Tòa án áp dụng mức lãi do Nhà nước quy định là 20%/năm tương ứng với 1,66%/ tháng để tính lãi và yêu cầu bị đơn phải trả.

Theo lời khai ngày 25/6/2026 và biên bản làm việc ngày 10/7/2026 có trong hồ sơ bị đơn bà A trình bày: bà A xác nhận vợ chồng ông H, bà A có vay của ông D số tiền 150.000.000đ với mức lãi là 2.000đ/ 1 triệu và đã trả lãi được 1 năm thì không có khả năng trả lãi nữa và bà A yêu cầu được trả gốc không trả lãi nữa với lý do bà A, ông H đã trả lãi cứ 10 ngày trả 3.000.000đ nên nay xin được trả gốc vay, không trả lãi vay. Ngày 10/7/2026 bà A cam kết vợ chồng ông H, bà A sẽ sắp xếp để trả toàn bộ gốc cho nguyên đơn trong thời hạn khoảng 01 tháng kể từ hôm nay, ông H, bà A sẽ trả dần theo tuần, ngày 17/7/2026 sẽ trả bớt một phần và trả cho nguyên đơn tại Tòa án. Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thì bà A cam kết sẽ trả được hết nợ gốc cho nguyên đơn nên không có ý kiến gì về lãi.

Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn ông H, bà A đến Tòa án để làm việc và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được đồng thời ông H không trình bày ý kiến liên quan đến nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của đương sự.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông D khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị Tuyết A yêu cầu trả số tiền vay 150.000.000đ và tiền lãi phát sinh, ông H, bà A có địa chỉ cư trú tại: thôn Cát An, xã Cát Tiên 2, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng.

Qua quá trình tố tụng: bị đơn ông H, bà A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa trực tiếp tranh tụng để bảo vệ quyền lợi ích của mình theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về pháp luật áp dụng: Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập vào ngày 16/01/2024 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật chi tiết để giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông D:

+ Về tiền gốc vay: ông D khởi kiện yêu cầu ông H, bà A phải trả số tiền nợ gốc là 150.000.000đ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy vay tiền ngày 16/01/2024 có chữ ký xác nhận của người vay Nguyễn Trọng H, Nguyễn Thị Tuyết A. Số tiền nợ gốc này đã được bị đơn bà A thừa nhận đồng thời đồng ý trả nợ gốc 150.000.000đ, cam kết trả trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày 10/7/2026 và trả trước một phần vào ngày 17/7/2026, tiền sẽ được trả cho nguyên đơn tại Tòa án. Tuy nhiên, đến ngày xét xử nguyên đơn xác nhận bị đơn chưa trả bất cứ khoản tiền gốc nào, việc bị đơn nhiều lần hứa hẹn mà không thực hiện là cố ý không thực hiện nghĩa vụ của mình theo sự thỏa thuận của các bên điều đó ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn được pháp luật bảo vệ; suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông H không có ý kiến trình bày gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, nguyên đơn ông D khởi kiện yêu cầu ông H, bà A phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc vay 150.000.000đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về lãi: nguyên đơn yêu cầu tính lãi phát sinh tính từ ngày 16/01/2024 đến ngày 27/7/2026 là 30 tháng 11 ngày với mức lãi theo quy định của pháp luật là 20%/năm tương ứng là 1,66%/tháng. Cụ thể: $150.000.000đ \times 1,66\% \times 30 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} = 75.613.000đ$; ông D xác nhận trong quá trình vay mượn ông H, bà A đã nhiều lần trả lãi với tổng số tiền là 54.000.000đ nên ông D yêu cầu ông H, bà A

phải tiền lãi tính đến ngày xét xử là 75.613.000đ – 54.000.000đ = 21.613.000đ (*hai mươi một triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng*). Trong quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn ông H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà A trình bày đã trả lãi trong thời gian 01 năm với mức lãi 2.000đ/ 1 triệu; 10 ngày trả 3.000.000đ nhưng bị đơn không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc đóng lãi của mình từ thời gian nào đến thời gian nào và tổng số tiền lãi đã đóng là bao nhiêu. Xét thấy, thời điểm tính lãi, mức tính lãi và số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả phù hợp với quy định tại các Điều 466, 468 Bộ luật dân, do vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn ông D yêu cầu ông H và bà A phải có trách nhiệm liên đới trả tổng số tiền 171.613.000đ (*Một trăm bảy mươi một triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng*) gồm gốc là 150.000.000đ; lãi là 21.613.000đ, Ngoài ra ông H, bà A còn phải tiếp tục chịu tiền lãi trên nợ gốc cho đến khi trả hết nợ gốc.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn D đối với bị đơn ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị Tuyết A.

Buộc ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị Tuyết A phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn D số tiền 171.613.000đ (*Một trăm bảy mươi một triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng*) gồm gốc là 150.000.000đ; lãi là 21.613.000đ).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa trả.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị Tuyết A phải liên đới chịu 8.580.650đ (*tám triệu năm trăm tám mươi nghìn sáu trăm năm mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.683.750đ (*Bốn triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) theo biên lai số 0006663 ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng – Phòng thi hành án dân sự khu vực 5.

3. Quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 5 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nghiêm Văn Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nông Văn Diễn – Vũ Văn Nam

Nghiêm Văn Hải

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn An - Vũ Thị Thi

Nghiêm Văn Hải

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 5 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, THA.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nghiêm Văn Hải

